TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **02**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 02 năm 2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tân.

Ông Đào Duy Ngọc

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Hải Dương

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 503/2018/TLST-HN&GĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX- HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị B, sinh năm 1986.

ĐKHKTT: Số 41A, đường L, phường H, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Số 15/35 Chợ C, phường Q, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Lương Văn B1, sinh năm 1984.

ĐKHKTT và chỗ ở: Số 41A, đường L, phường H, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Chị B, anh B1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/8/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải của nguyên đơn là chị Tạ Thị B trình bày: Chị và anh Lương Văn B1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường L1, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/10/2012. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không hòa hợp, khi chị có bầu cháu thứ hai, cháu lớn còn nhỏ, anh B1 không giúp chị trong công việc nhà chỉ mải chơi game, nên vợ chồng xảy ra

đánh nhau. Vợ chồng sống không có sự chia sẻ, không tin tưởng nhau, đến nay vợ chồng đã không còn chung nhau về kinh tế. Mâu thuẫn cũng được hai bên gia đình hòa giải nhưng chỉ được một thời gian lại tiếp tục mâu thuẫn. Anh B1 cho rằng chị có quan hệ ngoài vợ ngoài chồng với anh Hà Văn Th là giáo viên trường THPT T cách đây 01 năm là không đúng. Chị và anh Th chỉ là đồng nghiệp trong cơ quan, chị và anh Th chỉ nhắn tin trêu đùa và anh B1 biết sau đó chị đã không nhắn tin trêu đùa với anh Th. Chị thấy cuộc sống giữa chị và anh B1 không có tiếng nói chung nên chị làm đơn xin ly hôn chứ không ai xúi giục chị như anh B1 nói. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể cứu vãn được. Hai người sống chung nhà nhưng đã ly thân khoảng 8 tháng . Chị rất muốn dọn ra khỏi nhà không sống chung với anh Bằng, mỗi lần như vậy anh B1 đều ầm ĩ gọi người nọ người kia tác động. Chị muốn chia tay trong hòa bình, không muốn ấm ĩ. Hiện nay chị đã dọn ra ngoài sống và không sống cùng với anh B1. Nguyên nhân giữa hai người là do chị không còn tình cảm với anh B1. Do vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lương Bảo Q, sinh ngày 20/7/2013 và Lương Tuệ L, sinh ngày 30/5/2015. Khi ly hôn chị có quan điểm xin được nuôi con Lương Bảo Q, anh B1 nuôi con Lương Tuệ L. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Lương Văn B1 là bị đơn trình bày: Anh và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường L1, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Sau khi cưới vợ chồng sống với mẹ đẻ anh và vợ chồng anh trai tại địa chỉ 489 Lê Thanh Ngh, TP Hải Dương. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh cũng mải chơi game nhưng anh không bỏ bê công việc gia đình, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn. Sau đó gia đình chuyển về địa chỉ tại 41A L, phường H, TP Hải Dương, khi đó anh có nghỉ việc ở công ty để về nhà trông coi công trình xây dựng, khi làm nhà xong anh có đi tìm việc nhưng tuổi của anh đã nhiều nên khó tìm việc, chị B xin cho anh công việc tại Công ty Sumidenso anh đang làm ở đó được 8 tháng. Cách đây 01 năm anh phát hiện ra chị B có quan hệ ngoài luồng với anh Hà Văn Th giáo viên trường THPT T, vợ chồng sống ly thân được 6 tháng, trong khi đó anh rất mực yêu thương vợ con không hề đánh đập hay chửi mắng vợ con. Anh Th đã bỏ vợ và xúi giục chị B bỏ chồng bỏ con. Anh và gia đình hai bên hết lòng khuyên giải chị B suy nghĩ lại. Anh mong muốn Tòa khuyên giải để chị B suy nghĩ lại và đề nghị Tòa án đi xác minh tại trường THPT Tuệ Tĩnh. Sau khi Tòa án công khai biên bản xác minh tại trường THPT T anh có quan điểm là hiểu lầm chị B và xin rút lại ý kiến đó không đề nghị Tòa án xem xét về vấn đề đó. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, anh không muốn ly hôn, nếu chị B cương quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận ly hôn.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/11/2018 anh B1 trình bày: đối với anh vợ con là quan trọng nhất, nếu anh có sai sót, khuyết điểm gì thì anh đã nói với chị B là anh sẽ

sửa đổi nhưng chị B không chấp nhận. Thực chất chị B cương quyết như vậy do chị B có quan hệ với người đàn ông khác, anh đã bắt được những tin nhắn của người đàn ông khác nhắn cho chị B, còn đối với anh vẫn thương và yêu vợ con. Nếu chị B cương quyết ly hôn và để anh đồng ý thì chị B phải để cả hai con cho anh nuôi dưỡng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lương Bảo Q, sinh ngày 20/7/2013 và Lương Tuệ L, sinh ngày 30/5/2015. Anh B1 có quan điểm mỗi người nuôi một con không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con chung. Sau đó anh thay đổi quan điểm muốn nuôi cả hai con.

Về tài sản chung: Không đề nghị tòa án giải quyết.

Ngày 12/11/2018 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị B và anh B1. Tại buổi làm việc có mặt chị B và anh B1, Tòa án đã lập biên bản các đương sự tự đọc lại biên bản nhưng anh B1 không ký vào biên bản và bỏ về.

Ngày 21/01/2019 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị B và anh B1, anh B1 vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản không hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh B1 và đề nghị được nuôi một con đến khi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh B1 không nhất trí ly hôn, và nếu tòa xử cho ly hôn anh xin được nuôi cả hai con.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, thư ký tòa án từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

* Hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Tạ Thị B được ly hôn với anh Lương Văn B1.

- Về con chung: Giao cháu Lương Bảo Q, sinh ngày 20/7/2013 cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lương Tuệ L, sinh ngày 30/5/2015 cho anh B1 chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về Án phí: Chị Tạ Thị B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đó nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số số

AA/2017/0002596 ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tạ Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Lương Văn B1, trú tại: Số 41A L, phường H, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị B và anh Lương Văn B1 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian dài, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có sự hòa hợp, chia sẻ, vợ chồng không tôn trọng và tin tưởng nhau. Anh B1 nghi ngờ chị B có quan hệ ngoài vợ ngoài chồng nhưng không có chứng cứ. Tòa án đã đi xác minh tại trường THPT T: Nhà trường khẳng định sự việc như anh B1 khai là không đúng, không có việc anh Th và chị B có quan hệ ngoài vợ ngoài chồng. Bà Th1 là mẹ đẻ anh B1 cho biết: Anh B1 và chị B tìm hiểu nhau qua mạng, sau đó anh chị cưới nhau, khi chị B có thai 3 tháng chị B đòi nạo thai và bỏ anh B1, đến năm 2016 chị B và anh B1 xảy ra đánh cãi nhau chị B cũng có nói sẽ bỏ anh B1, gia đình khuyên giải anh chị lại quay về chung sống với nhau, tháng 5/2018 chị B nói con sẽ không ở với anh B1 con sẽ ly hôn với anh B1, khoảng tháng 11/2018 chị B thuê nhà ra ngoài sống…….bản thân anh B1 thời gian đầu mải chơi game đã từng viết đơn ly hôn, anh B1 là người nóng tính không tự quyết định được nên trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, gia đình mong muốn anh chị quay về chung sống với nhau nhưng nếu không được đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà L1 là mẹ chị B cho biết: chị B và anh B1 đã bán đất chia tiền và không liên quan với nhau về tài sản. Từ những căn cứ trên HĐXX thấy trong cuộc sống của chị B và anh B1 không có sự yêu thương, chia sẻ, tôn trọng, quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau, không tôn trọng danh dự nhân phẩm uy tín của nhau. Gia đình anh chị và Tòa án cũng đã hòa giải nhưng chị Bình vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh B1, anh B1 không muốn ly hôn nhưng bản thân cũng không có biện pháp để thay đổi chị B, anh có quan điểm để anh nhất trí lý hôn, chị B phải giao hai con cho anh nuôi. Điều đó chứng tỏ bản thân anh B1 cũng xác định được nếu chị B cương quyết ly hôn anh cũng không cách nào để chị B quay về sống cùng anh. Thực tế anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2017, tháng 11/2018 chị B đã thuê nhà ra ở riêng. Xét thấy cuộc sống vợ chồng của chị B và anh B1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị B được ly hôn anh B1 là phù hợp

với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Lương Bảo Q, sinh ngày 20/7/2013 và Lương Tuệ L, sinh ngày 30/5/2015. Chị B có nguyện vọng được nuôi một con; anh B1 có nguyện vọng nuôi cả hai con. HĐXX thấy việc nuôi con là nghĩa vụ và quyền của cha mẹ. Cháu L hiện còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Anh B1 có nguyện vọng nuôi cả hai con nhưng việc chăm sóc sẻ không đảm bảo vì anh phải làm ca. Do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ HĐXX cần chấp nhận đề nghị của chị B giao cháu Lương Bảo L cho chị B chăm sóc, nuôi đưỡng; giao cháu Lương Bảo Q cho anh B1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

[5] Về tài sản chung: Chị B và anh B1 không yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét.

[6] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị B được ly hôn anh Lương Văn B1.

+ Về quan hệ nuôi con: Giao con Lương Tuệ L, sinh ngày 30/5/2015 cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Lương Bảo Q, sinh ngày 20/7/2013 cho anh B1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

+ Về án phí: Chị Tạ Thị B phải chịu 300.000^{đ} án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} theo biên lai số AA/2017/0002596 ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Tạ Thị B, anh Lương Văn B1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND T.P Hải Dương;
- Chi cục THADS T.P Hải Dương ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND P. Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Thiện

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**